

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NỘI DUNG THAM VẤN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 2 đoạn tuyến Tân Vũ - Hưng Đạo - đường Bùi Viện.

- Địa điểm thực hiện: các phường phường Hải An, phường Dương Kinh, phường Hưng Đạo, phường Kiến An, An Dương, An Hải thành phố Hải Phòng

- Chủ dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông và nông nghiệp Hải Phòng.

- Dự án đầu tư xây dựng đường vành đai 2 đoạn tuyến Tân Vũ – Hưng Đạo – đường Bùi Viện đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 24/NQ-NĐND ngày 12/8/2021 với nội dung chính là xây dựng tuyến đường từ nút giao Tân Vũ – Hưng Đạo – đường Bùi Viện có tổng chiều dài khoảng 11,0km. Phạm vi trên của dự án đã được Bộ Tài nguyên Môi trường phê duyệt báo cáo ĐTM tại quyết định số 2020/QĐ-UBND ngày 26/8/2022. Đến ngày 21/3/2023, UBND thành phố Hải Phòng điều chỉnh dự án tại quyết định số 709/QĐ-UBND với nội dung bổ sung thêm hạng mục xây dựng khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng cho dự án với diện tích khu tái định cư khoảng 11,43ha, nâng tổng diện tích thực hiện dự án lên 106,53ha. Dự án đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt báo cáo ĐTM tại quyết định số 625/QĐ-BTNMT ngày 27/2/2025. Đến nay, dự án đang trong quá trình triển khai thi công xây dựng. Ngày 17/6/2025, Hội đồng nhân dân thành phố đã thông qua Nghị quyết về điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường vành đai 2 đoạn tuyến Tân Vũ – Hưng Đạo – đường Bùi Viện tại Nghị quyết số 31/NQ-HĐND với nội dung bổ sung thêm hạng mục là xây dựng mở rộng đường Nguyễn Trường Tộ, đường Bùi Viện từ nút giao Quốc lộ 10 đến nút giao đường vành đai 2 có tổng chiều dài khoảng 10,4km, do đó diện tích dự án điều chỉnh từ 106,53 ha lên 176,78ha. Dự án đã được UBND thành phố Hải Phòng giao nhiệm vụ chủ đầu tư tại Quyết định số 2455/QĐ-UBND ngày 30/8/2021 cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Hải Phòng (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông và nông nghiệp Hải Phòng).

- Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa 2 vụ từ 5ha trở lên.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

* Phạm vi dự án

Phạm vi dự án đã phê duyệt:

- Đầu tư xây dựng tuyến đường có chiều dài khoảng 11,0 km theo quy mô đường phố chính đô thị chủ yếu, vận tốc thiết kế $V_{tk} = 80$ km/h theo QCVN 07:2023/BXD-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật trên tổng diện tích khoảng 106,53 ha.

+ Điểm đầu tuyến kết nối với nút giao Tân Vũ đã được Bộ Giao thông vận tải đầu tư, thuộc địa bàn phường Hải An, thành phố Hải Phòng. Vị trí tọa độ: $X(m) = 2301457.20$; $Y(m) = 604743.34$ (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

+ Điểm cuối tuyến giao đường Bùi Viện (Km10+998,94 đường Bùi Viện) ở đầu cầu Bùi Viện, thuộc địa bàn phường Kiến An, thành phố Hải Phòng. Vị trí tọa độ: $X(m) = 2303807.06$; $Y(m) = 594997.50$ (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

- Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phục vụ Dự án đầu tư xây dựng đường vành đai 2 đoạn tuyến Tân Vũ - Hung Đạo - đường Bùi Viện với quy mô diện tích 114.332,8 m².

Phạm vi hạng mục bổ sung:

- Đầu tư mở rộng đường Nguyễn Trường Tộ, đường Bùi Viện từ nút giao Quốc lộ 10 đến nút giao đường Vành đai 2 có tổng chiều dài khoảng 10,4km:

+ Điểm đầu Km0 tại nút giao giữa đường Nguyễn Trường Tộ với QL10 và đường vào khu công nghiệp An Dương, thuộc địa phận phường An Dương, TP. Hải Phòng (phường Bắc Sơn, quận An Dương cũ);

+ Điểm cuối Km10+414 tại ranh thiết kế nút giao giữa đường Bùi Viện với đường Vành đai 2, thuộc địa phận phường Kiến An, TP. Hải Phòng (phường Đồng Hòa, quận Kiến An cũ);

Tuyến qua địa phận phường An Dương, phường An Hải và phường Kiến An, TP. Hải Phòng.

Phạm vi báo cáo ĐTM này không bao gồm: Hoạt động khai thác vật liệu san lấp và vật liệu xây dựng phục vụ Dự án.

* Quy mô, công suất: 176,78 ha

1.3. Công nghệ sản xuất (nếu có):

Không có.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:

* Hạng mục công trình:

Các hạng mục đã được phê duyệt và đang đầu tư xây dựng:

- *Xây dựng tuyến đường với chiều dài 11,0 km* theo tiêu chuẩn đường phố chính đô thị chủ yếu, vận tốc thiết kế $V_{tk} = 80$ km/h với điểm đầu tuyến kết nối với nút giao Tân Vũ đã được Bộ Giao thông vận tải đầu tư, thuộc địa bàn phường Tràng Cát, quận Hải An, thành

phố Hải Phòng; điểm cuối tuyến giao đường Bùi Viện (Km10+998,94 đường Bùi Viện) ở đầu cầu Bùi Viện, thuộc địa bàn phường Đồng Hòa, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng. Bao gồm:

+ Đoạn 1 (từ nút giao Tân Vũ - cầu Hải Thành) và Đoạn 3 (từ nút giao Hưng Đạo - nút giao đường Bùi Viện): Quy mô 08 làn xe, bề rộng nền đường $B_{nền} = 37,0$ m (bề rộng làn xe cơ giới $B = 15,0$ m, bề rộng làn xe hỗn hợp $B = 14,0$ m, dải phân cách giữa bề rộng $B = 5,0$ m, dải an toàn sát dải phân cách giữa bề rộng $B = 1,0$ m và lề đất bề rộng $B = 2,0$ m).

+ Đoạn 2 (từ nút giao ĐT.353 - nút giao Hưng Đạo, đoạn đi trùng đường tỉnh 355): Quy mô 08 làn xe, bề rộng nền đường $B_{nền} = 68,0$ m (bề rộng làn xe cơ giới $B = 15,0$ m, bề rộng làn xe hỗn hợp $B = 14,0$ m, dải phân cách giữa bề rộng $B = 23,0$ m, dải an toàn sát dải phân cách giữa bề rộng $B = 1,0$ m và hè đường bề rộng $B = 15,0$ m).

- Xây dựng mới cầu Hải Thành tại Km3+800 chiều dài 1.135,4 m, gồm: Cầu nhịp chính bằng bê tông cốt thép dạng dầm cáp hỗn hợp Extradose 3 mặt phẳng dây có chiều dài 270 m, bề rộng cầu $B = 36,0$ m và cầu nhịp dẫn bằng bê tông cốt thép dự ứng lực chiều dài 858,3 m, bề rộng cầu $B = 32,0$ m.

- Xây dựng mới 02 cầu vượt bộ hành tại Km4+750 và Km6+250, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh kết cấu thép với chiều dài mỗi cầu 60,8 m, chiều rộng mỗi cầu $B = 3,4$ m.

- Xây dựng 03 nút giao khác mức gồm: (1) Nút giao Tân Vũ tại Km0+000; (2) Nút giao Bùi Viện tại Km10+644; (3) Nút giao với ĐT.353 tại Km4+375 kết nối tuyến chính với các tuyến giao thông trong khu vực.

- Xây dựng 05 nút giao bằng trên tuyến dạng điều khiển bằng đèn tín hiệu và đảo giọt nước để kết nối với các tuyến giao thông trong khu vực, gồm:

(1) Nút giao với Khu công nghiệp Nam Tràng Cát tại Km0+873,48,

(2) Nút giao với đường bao Đông Nam quận Hải An và đường phía Nam sân bay Cát Bi tại Km3+535.

(3) Nút giao nhánh rẽ phải từ cầu Hải Thành xuống đường tỉnh 353 tại Km0+860 (lý trình tuyến nhánh).

(4) Nút giao với đường tỉnh 355 Hưng Đạo tại Km6+920,21.

(5) Nút giao với khu quy hoạch đô thị Him Lam River City tại Km9+410,14.

- Đầu tư xây dựng mới 31 cống thoát nước ngang trên tuyến, gồm:

+ 20 cống hộp trên tuyến kích thước mỗi cống $B \times H = [1,25 \times 1,0 \div 2 \times (4,0 \times 4,0)]$ m.

+ 11 cống tròn đường kính $D = 1,0 \div 1,5$ m.

- Đầu tư xây dựng mới hệ thống thoát nước dọc hai bên tuyến gồm: 1.320 m rãnh hộp $B = 0,4$ m; 1.200 m rãnh hộp $B = 0,6$ m; 4.450 m cống tròn D800; 1.275 m cống tròn D1000; 1.080 m cống tròn D1200; 1.040 m cống tròn D1500; 1.050 m cống tròn D2000.

- Cải 25 đoạn mương tưới tiêu dọc tuyến với tổng chiều dài khoảng 6.223,54 m, bao gồm: Km0+580 - Km0+750; Km0+780 - Km1+460; Km2+960 - Km3+440; Km7+011 - Km7+125; Km7+150 - Km7+350; Km8+190 - Km8+547; Km8+990 - Km9+100; Km9+700 - Km9+995; Km10+003 - Km10+133; Km10+400 - Km10+530 (phía trái tuyến); Km1+170 - Km1+500; Km2+830 - Km3+450; Km6+692 - Km7+056; Km6+697 - Km6+895; Km7+835 - Km8+140; Km8+690 - Km8+785; Km9+500 - Km9+700; Km9+900 - Km10+030; Km10+037 - Km10+164 (phía phải tuyến); Km0+147,50 - Km0+334,62 (trái nhánh BV4); Km0+331 - Km0+751 (trái nhánh BV1); Km10+958 (TC) - Km0+420 (Nhánh BV1); đoạn qua Nhánh C, E+G, nút giao Tân Vũ.

- Lắp đặt hệ thống cấp điện, chiếu sáng, đường ống kỹ thuật, đảm bảo an toàn giao thông trên tuyến.

- Xây dựng gia cố kè hai bên bờ sông Lạch Tray tại Km3+844,817 chiều dài 300 m bằng đá kích thước (6 x 2 x 0,3) m gồm: Kè phía hạ lưu sông có chiều dài 200 m, chiều rộng 6,0 m và kè phía thượng lưu sông có chiều dài 100 m, chiều rộng 6,0 m.

- **Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư** phục vụ Dự án đầu tư xây dựng đường vành đai 2 đoạn tuyến Tân Vũ - Hung Đạo - đường Bùi Viện trên diện tích khoảng 114.332,8 m², bao gồm:

+ San nền toàn bộ diện tích 114.332,8 m² từ cao độ hiện trạng tới cao độ $\geq 2,46$ m (hệ cao độ lục địa).

+ Bố trí 427 lô đất ở liền kề ký hiệu từ LCK, LCK2 ÷ LCK5 và LKP, LKP5 ÷ LKP8 với tổng diện tích khoảng 29.994,71 m², mật độ xây dựng tối đa 90 - 100 %, chiều cao tối đa 05 tầng.

+ Xây dựng hệ thống công trình hạ tầng xã hội gồm trường mầm non và trường tiểu học trên tổng diện tích khoảng 13.311,32 m², chiều cao tối đa 04 tầng.

+ Xây dựng hệ thống cây xanh sử dụng công cộng, cây xanh chuyên dụng trên tổng diện tích khoảng 2.700,79m² tại ô đất ký hiệu CXĐVO-1, CX-1, CX-2, CXCL.

+ Đầu tư xây dựng hệ thống đường giao thông nội bộ, bao gồm tuyến đường I9.4-D1 - I9.4-D5 với tổng chiều dài 1.115,7 m, bề rộng nền đường B = 15,0 - 17,5 m; tuyến đường I6.3-D1 - I6.3-D13 với tổng chiều dài 1.609,2 m, bề rộng nền đường B = 12,0 - 18,0 m.

+ Xây dựng 01 bãi đỗ xe tại ô đất ký hiệu P trên tổng diện tích 684,99 m².

+ Xây dựng hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống cấp nước, hệ thống cấp điện trong phạm vi khu tái định cư; hệ thống thu gom, thoát nước mưa; hệ thống thu gom, thoát nước thải; 01 công trình xử lý nước thải công suất 800 m³/ngày (24 giờ) tại ô đất ký hiệu I.9.4 diện tích 731,52 m².

Đầu tư mở rộng đường Nguyễn Trường Tộ, đường Bùi Viện từ nút giao Quốc lộ 10 đến nút giao đường Vành đai 2 có tổng chiều dài khoảng 10,4km, với các hạng mục chính:

Hạng mục đầu tư mới:

+ Mở rộng đoạn từ nút giao Quốc lộ 10 đến nút giao vành đai 2 – Bùi Viện có Bnền = (31,0-50,5)m, mặt đường 6-8 làn xe.

+ Xây dựng cầu vượt nút giao Quốc lộ 10, chiều dài cầu khoảng 135,2m, chiều rộng cầu Bc = 17,5m, quy mô 04 làn xe.

+ Bổ sung lớp nhựa trên mặt đường Nguyễn Trường Tộ hiện trạng để đảm bảo mô-đun đàn hồi mặt đường sau điều chỉnh phù hợp với mô-đun đàn hồi của tuyến đường vành đai 2.

+ Xây dựng hạ tầng kỹ thuật: hè đường, cây xanh, chiếu sáng, cống thoát nước mưa, cống thoát nước, hào kỹ thuật thuộc đoạn tuyến mở rộng đường Nguyễn Trường Tộ.

b) Các hạng mục công trình phụ trợ:

- Lắp đặt hệ thống cọc tiêu và biển báo, hộ lan tôn sóng, hàng rào bảo vệ trên tuyến với kích thước, cấu tạo đảm bảo tuân thủ QCVN 41:2019/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ.

- Lắp đặt hệ thống an toàn giao thông và chiếu sáng trên tuyến.

* Hoạt động của dự án:

a. Các hoạt động của Dự án trong giai đoạn thi công xây dựng

- Dọn dẹp, chuẩn bị mặt bằng thi công.

- Sinh hoạt của công nhân thi công.

- Bố trí 10 công trường thi công trong ranh giới giải phóng mặt bằng của Dự án (08 công trường thi công của giai đoạn đã được duyệt và 02 công trường mới cho đoạn mở rộng) (mỗi công trường bao gồm: 01 khu lán trại, bãi tập kết nguyên vật liệu, bãi đúc cầu kiện và chứa cầu kiện, bãi chứa tạm chất thải xây dựng, cầu rửa xe).

- Bố trí 05 trạm trộn bê tông xi măng công suất 60 m³/h tại Km+000; Km3+500; Km4+000; Km10+644; khu tái định cư quận Dương Kinh.

- Đào đắp nền đường; thi công các hạng mục công trình.

- Vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công; vận chuyển, đổ thải đất, đá đào không thích hợp (không phải là vật liệu xây dựng thông thường) tại 04 bãi chứa đất, đá thải bao gồm: 01 bãi thải diện tích 10.000 m², sức chứa khoảng 40.000 m³ tại khu đầm ao xã Minh Tân, Thủy Nguyên, Hải Phòng theo thỏa thuận tại biên bản ngày 21 tháng 12 năm 2022 giữa Chủ dự án và Công ty CP Thương mại và Dịch vụ kho vận Phú Hưng; 03 bãi thải tại phường Tân Thành, quận Dương Kinh, Hải Phòng gồm bãi thải diện tích 16.000 m², sức chứa khoảng 32.000 m³, bãi thải diện tích 70.000 m², sức chứa khoảng 175.000 m³, bãi thải diện tích 90.000 m², sức chứa khoảng 270.000 m³ theo thỏa thuận tại biên bản ngày 21 tháng 12 năm 2021 giữa Chủ dự án và Ủy ban nhân dân phường Tân Thành.

- Thanh thải dòng chảy tại vị trí thi công cầu vượt sông; dọn dẹp mặt bằng thi công; dọn dẹp khu vực đổ đất đá thải, phế thải sau kết thúc thi công.

b. Các hoạt động của Dự án trong giai đoạn vận hành

- Sinh hoạt của người dân tại khu tái định cư của Dự án.

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh trong phạm vi Dự án và thực hiện nạo

vết hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải trong phạm vi Dự án.

- Thu gom, phân loại tại nguồn các loại chất thải (chất thải rắn thông thường, chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại) phát sinh từ hoạt động của các công trình trong phạm vi Dự án, chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Xả nước thải sau xử lý ra môi trường.

- Vận hành, bảo trì, sửa chữa nhỏ.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường (nếu có):

Căn cứ theo Luật bảo vệ môi trường năm 2020 và các Nghị định hướng dẫn, yếu tố nhạy cảm về môi trường của dự án là: Dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên từ 5ha trở lên.

2. CÁC NỘI DUNG THAM VẤN

2.1. Vị trí thực hiện dự án đầu tư:

các phường phường Hải An, phường Dương Kinh, phường Hưng Đạo, phường Kiến An, An Dương, An Hải thành phố Hải Phòng

2.2. Tác động môi trường của dự án đầu tư:

2.2.1. Nước thải, khí thải

a. Nước thải

Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân tham gia thi công khoảng 5,0 m³/ngày đêm/công trường thi công. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅, Amoni (tính theo N), Nitrat (NO₃⁻) (tính theo N), Phosphat (PO₄³⁻) (tính theo P), dầu mỡ động, thực vật, tổng coliforms.

- Nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh phương tiện vận chuyển khoảng 2,0 m³/ngày đêm/công trường thi công và từ hoạt động của trạm trộn bê tông khoảng 7,2 m³/ngày đêm/trạm trộn. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: TSS, dầu mỡ khoáng, đất, cát.

Giai đoạn vận hành

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của sinh hoạt của dân cư trong khu tái định cư quận Dương Kinh khoảng 267,4 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅, Amoni (tính theo N), Nitrat (NO₃⁻) (tính theo N), Phosphat (PO₄³⁻) (tính theo P), dầu mỡ động, thực vật, tổng coliforms.

b. Khí thải

Giai đoạn thi công, xây dựng:

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động chuẩn bị mặt bằng, thi công các hạng mục công trình, vận chuyển nguyên vật liệu, vận chuyển đất đá thải, phế thải, thi công xây dựng,

khoan cọc nhồi, đào đắp, san nền, hoạt động của các trạm trộn bê tông xi măng. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: Bụi, CO_x, NO_x, SO₂.

Giai đoạn vận hành:

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện lưu thông trên tuyến đường, ra vào khu tái định cư, hoạt động bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa trên tuyến đường. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: Bụi, CO, NO_x, SO₂.

- Mùi hôi phát sinh từ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải, vị trí thu gom chất thải rắn sinh hoạt. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: H₂S, CH₄, Metyl mercaptan.

2.2.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

a. Chất thải rắn thông thường

Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân tham gia thi công khoảng 65 kg/ngày/công trường thi công. Thành phần chủ yếu gồm: Bao bì đựng thức ăn, vỏ chai lọ, thức ăn thừa.

- Chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng với tổng khối lượng khoảng 1.421 tấn. Thành phần chủ yếu gồm: Cành, lá, rễ cây.

- Chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động phá dỡ nhà cửa, công trình vật kiến trúc phát sinh với tổng khối lượng khoảng 16.883 m³ và khoảng 1148,9 tấn bùn bể phốt. Thành phần chủ yếu là gạch vỡ, bê tông thải, gỗ, sắt thép vụn, bùn thải.

- Đất, đá đào không thích hợp (không phải là vật liệu xây dựng thông thường) từ hoạt động đào, đắp nền đường, mố trụ cầu với tổng khối lượng khoảng 427.776,8 m³. Thành phần chủ yếu là đất đá thải, phế thải, đất lẫn bentonite.

- Bùn thải phát sinh từ hoạt động nạo vét hệ thống thoát nước mưa chảy tràn và hoạt động nạo vét bể lắng nước thải xây dựng. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, đất, cát,...

Giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động bảo trì, vận hành các công trình trên tuyến đường khoảng 02 ÷ 03 m³/đợt bảo dưỡng. Thành phần chủ yếu gồm: Bê tông, nhựa đường bám dính, cọc tiêu hỏng.

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 5,46 tấn/ngày tại khu tái định cư quận Dương Kinh. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, rau củ, bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, giấy báo,...

- Bùn thải phát sinh từ hoạt động nạo vét hệ thống thoát nước mưa chảy tràn với thành phần chủ yếu là đất, cát, lá cây,...

- Bùn thải phát sinh từ hoạt động vận hành công trình xử lý nước thải sinh hoạt của Dự án phát sinh bùn thải với tổng khối lượng khoảng 0,9 tấn/năm.

b. Chất thải nguy hại

Giai đoạn xây dựng

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng, thay dầu máy móc, thiết bị thi công, phương tiện vận chuyển, văn phòng tại công trường thi công khoảng 25 kg/tháng/công trường. Thành phần chủ yếu gồm: Giẻ lau, gang tay dính dầu, que hàn thải, giẻ lau dính sơn, dụng cụ quét sơn, thùng đựng sơn, bóng đèn huỳnh quang thải.

Giai đoạn vận hành

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động vận hành, bảo trì các công trình và hệ thống an toàn giao thông trên tuyến đường khoảng 03 kg/đợt bảo dưỡng. Thành phần chủ yếu gồm: Bóng đèn hỏng, hộp vỏ đựng sơn, giẻ lau dính dầu, cặn sơn.

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động các hộ gia đình trong khu tái định cư quận Dương Kinh khoảng 44,7 kg/ngày đêm. Thành phần chủ yếu gồm: Các loại ác quy, pin thải, bản mạch điện tử, bóng điện huỳnh quang...

2.2.3. Tiếng ồn, độ rung

* Giai đoạn thi công xây dựng: Tiếng ồn và độ rung phát sinh từ hoạt động phá dỡ, san ủi mặt bằng; hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, phế thải, đất đá thải và hoạt động của thiết bị, máy móc thi công.

* Giai đoạn vận hành: Tiếng ồn và độ rung phát sinh từ hoạt động của các phương tiện tham gia giao thông trên tuyến và ra vào khu vực tái định cư.

2.3. Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường

2.3.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

a. Đối với thu gom và xử lý nước thải

Giai đoạn thi công, xây dựng

- Lắp đặt tại mỗi công trường thi công 05 nhà vệ sinh di động dung tích mỗi nhà vệ sinh khoảng 05 m³ để thu gom nước thải sinh hoạt; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý theo quy định khi gần đầy bể, không xả thải ra môi trường.

Quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt → Nhà vệ sinh lưu động → Đơn vị chức năng hút, vận chuyển, xử lý khi gần đầy bể.

- Lắp đặt tại mỗi công trường thi công hệ thống cống, cầu rửa xe kích thước L x B x H khoảng (3 x 2 x 0,5) m và 01 bể lắng 03 ngăn dung tích 6 m³, kích thước mỗi ngăn L x B x H khoảng (1 x 2 x 1) m để thu gom, tách dầu và lắng cặn toàn bộ nước thải từ hoạt động rửa bánh xe. Nước sau khi lắng cặn và tách dầu được tái sử dụng toàn bộ để vệ sinh bánh xe, làm ẩm vật liệu đất thải khi vận chuyển, không xả thải ra môi trường; váng dầu thải được thu gom, lưu giữ cùng chất thải nguy hại và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

Quy trình xử lý: Nước thải từ hoạt động rửa bánh xe → Bể lắng 03 ngăn {ngăn thứ 1 để tách dầu → Ngăn thứ 2 để lắng cặn → Ngăn thứ 3 để lưu chứa nước sau xử lý} → Tái sử dụng toàn bộ vào hoạt động vệ sinh bánh xe, làm ẩm vật liệu đất thải khi vận chuyển.

- Tại các công trường Km+000; Km3+500; Km4+000; Km10+644; khu tái định cư quận Dương Kinh: Xây dựng 01 bể lắng cấu tạo 02 ngăn, dung tích khoảng 12 m³/bể để thu gom, lắng cặn toàn bộ nước thải từ hoạt động của trạm trộn bê tông; nước thải sau khi lắng cặn được bơm lên bồn trộn để tái sử dụng toàn bộ cho hoạt động sản xuất bê tông.

Quy trình xử lý: Nước rửa cối trộn → Bể lắng 02 ngăn → Lắng cặn → Tái sử dụng cho hoạt động sản xuất bê tông.

Giai đoạn vận hành

- Yêu cầu mỗi hộ dân đầu tư xây dựng 01 bể tự hoại 02 ngăn với dung tích khoảng 05 m³ để thu gom, xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt. Nước thải sau xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại tại mỗi hộ dân được thu gom qua hệ thống đường ống D300 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 800 m³/ngày đêm để tiếp tục xử lý.

Quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt tại mỗi hộ dân → Bể tự hoại 02 ngăn → Hệ thống đường ống D300 → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 800 m³/ngày đêm.

- Đầu tư xây dựng 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 800 m³/ngày đêm nằm phía Nam khu tái định cư quận Dương Kinh để thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu tái định cư bằng công nghệ sinh học AO-MBBR. Nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải của Dự án đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B với hệ số K = 1,0 trước khi xả ra kênh nội đồng của địa phương (khu Đồng Lệ, Phúc Lộc 2, phường Hưng Đạo), tại vị trí có tọa độ X (m) = 2301605.541; Y (m) = 596645.895 - hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiếu 3°, sau đó xả thải ra kênh Vân Quan 2 tại vị trí có tọa độ X (m) = 2302081.15; Y (m) = 596593.558 - hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiếu 3° (trên cơ sở biên bản thỏa thuận vị trí đầu nối xả thải Khu tái định cư quận Dương Kinh giữa Chủ Dự án, Ủy ban nhân dân phường Hưng Đạo và Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đa Độ).

Công nghệ xử lý: Nước thải được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 02 ngăn → Hệ thống đường ống thu gom nước thải → Bể thu gom nước thải và tách rác → Bể điều hòa → Bể yếm khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý (QCVN 14:2008/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B với hệ số K=1,0).

b. Đối với thu gom và xử lý bụi, khí thải:

Giai đoạn thi công, xây dựng

- Các phương tiện vận chuyển được rửa sạch bánh xe trước khi ra khỏi công trường; che phủ bạt các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải; các phương tiện chở đúng tải trọng theo quy định.

- Sử dụng xe chuyên dụng để tưới nước dập bụi trên tuyến đường nội bộ phục vụ thi công và tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu chính với tần suất từ 3 ÷ 4 lần/ngày (trừ

những ngày mưa), tăng tần suất tưới vào mùa khô; phun ẩm bề mặt trước khi đào đắp các công trình xây dựng; phun nước làm ẩm khu vực tập kết nguyên vật liệu trước và sau khi tập kết vật liệu.

- Các máy móc, thiết bị thi công được kiểm tra, theo dõi các thông số kỹ thuật và bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên.

- Trạm trộn bê tông xi măng được bố trí trên công trường tại các vị trí xa khu dân cư, cuối hướng gió; thiết lập rào chắn cao 03 m quanh khu vực các trạm trộn bê tông; tưới nước đập bụi với tần suất tối thiểu 02 lần/ngày tại khu vực bố trí các trạm trộn bê tông xi măng (trừ những ngày mưa).

- Sử dụng trạm trộn bê tông xi măng có hệ thống túi lọc bụi tại các silo xi măng.

Giai đoạn vận hành

- Định kỳ vệ sinh mặt đường; bố trí gờ giảm tốc và lắp đặt biển báo hạn chế tốc độ xe chạy trong các tuyến đường nội bộ phạm vi khu tái định cư.

- Định kỳ thu gom chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh và phun chế phẩm khử mùi (EM) đối với các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt.

- Bố trí hệ thống xử lý nước thải tại vị trí cuối hướng gió và trồng dải cây xanh cách ly quanh khu vực xây dựng hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo khoảng cách tối thiểu với các công trình xung quanh theo quy định tại QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

2.3.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

a. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

Giai đoạn thi công, xây dựng

Bố trí tại mỗi công trường thi công 05 thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy dung tích khoảng 240 lít/thùng để thu gom chất thải rắn sinh hoạt; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Bùn cặn lắng tại các hồ lắng nước thải thi công, nước thải từ hoạt động rửa xe được thu gom và lưu giữ cùng chất thải xây dựng; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Bùn bể phốt, phế thải xây dựng phát sinh từ hoạt động phá dỡ công trình được chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, lưu giữ, xử lý theo đúng quy định.

- Đất, đá đào không thích hợp (không phải là vật liệu xây dựng thông thường) từ hoạt động đào, đắp với khối lượng khoảng 427.776,8 m³ được vận chuyển và tập kết tại 04 bãi thải bao gồm: 01 bãi thải diện tích 10.000 m², sức chứa khoảng 40.000 m³ tại khu đầm ao xã Minh Tân, Thủy Nguyên, Hải Phòng theo thỏa thuận tại biên bản ngày 21 tháng 12 năm 2022 giữa Chủ dự án và Công ty CP Thương mại và Dịch vụ kho vận Phú Hưng; 03 bãi thải tại phường Tân Thành, quận Dương Kinh, Hải Phòng gồm bãi thải diện tích 16.000 m², sức chứa khoảng 32.000 m³, bãi thải diện tích 70.000 m², sức chứa khoảng 175.000 m³, bãi

thải diện tích 90.000 m², sức chứa khoảng 270.000 m³ theo thỏa thuận tại biên bản ngày 21 tháng 12 năm 2021 giữa Chủ dự án và Ủy ban nhân dân phường Tân Thành; kiểm kê khối lượng tập kết tại mỗi bãi chứa và bàn giao sau đó thải theo quy định.

Giai đoạn vận hành

- Thu gom toàn bộ chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động vận hành, bảo trì các công trình và hệ thống an toàn giao thông trên tuyến về vị trí thích hợp, không cản trở giao thông; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định khi có phát sinh.

- Bố trí tại khu vực công cộng trong khu tái định cư quận Dương Kinh khoảng 15 thùng rác chuyên dụng có nắp đậy, dung tích khoảng 500 lít/thùng, đảm bảo thu gom toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ khu vực công cộng trong khu vực được thu gom, phân loại tại nguồn theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định liên quan.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ vận chuyển, xử lý toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong phạm vi Dự án theo quy định.

- Hợp đồng với các đơn vị có chức năng định kỳ hút, vận chuyển, xử lý bùn thải từ công trình xử lý nước thải tập trung và bùn thải từ hoạt động nạo vét hệ thống thoát nước trong phạm vi Dự án theo quy định.

b. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Giai đoạn thi công, xây dựng

- Bố trí tại mỗi công trường thi công khoảng 05 thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng dung tích khoảng 200 lít/thùng có nắp đậy kín, đảm bảo không rò rỉ, bay hơi, rơi vãi, phát tán ra môi trường và có gắn dấu hiệu cảnh báo nguy hại để thu gom, phân loại tại nguồn toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh.

- Thu gom toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động thi công các hạng mục công trình của Dự án, tập kết về kho lưu giữ chất thải nguy hại tạm thời tại công trường thi công có diện tích khoảng 5 m². Kho lưu giữ chất thải nguy hại tạm thời được xây dựng theo đúng quy cách, bảo đảm lưu chứa an toàn, không tràn đổ, có dán nhãn và gắn biển hiệu cảnh báo theo quy định; định kỳ chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

Giai đoạn vận hành

- Thu gom riêng biệt, phân loại tại nguồn từng loại chất thải nguy hại vào thùng chứa có nắp đậy kín, tránh lẫn vào chất thải rắn thông thường và có dán nhãn mác chất thải nguy hại đúng theo quy định.

- Bố trí thùng chứa chất thải nguy hại có dung tích phù hợp cho từng khu vực Dự án, đảm bảo đúng kỹ thuật theo quy định Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành; thùng chứa chất thải nguy hại được đặt ở những nơi đảm bảo tránh mưa, tránh nắng, tránh ngập úng.

- Định kỳ chuyển giao toàn bộ chất thải nguy hại của Dự án cho đơn vị có đầy đủ năng

lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định với tần suất khoảng 06 tháng/lần hoặc theo thực tế phát sinh.

2.3.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

Giai đoạn thi công, xây dựng

- Sử dụng các phương tiện vận chuyển, máy móc, thiết bị thi công được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên theo quy định.
- Bố trí thời gian làm việc hợp lý, hạn chế vận chuyển vật liệu vào giờ cao điểm, đặc biệt khi đi qua khu dân cư hoặc vào giờ nghỉ.
- Lắp dựng hàng rào bằng tôn xung quanh khu vực thi công các nút giao và vị trí thi công gần các khu dân cư, trường học, chùa.
- Đền bù mọi thiệt hại nếu hoạt động thi công gây hư hại đến công trình, đảm bảo môi trường xung quanh khu vực Dự án luôn ở mức độ cho phép của QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

Giai đoạn vận hành

- Quy định tốc độ đối với các phương tiện ra vào Khu tái định cư quận Dương Kinh, quy định về việc sử dụng còi xe, lắp đặt đầy đủ các biển báo chỉ dẫn an toàn giao thông.
- Thường xuyên kiểm tra chất lượng tuyến đường nội bộ, duy tu sửa chữa kịp thời để đảm bảo các phương tiện tham gia giao thông được thuận lợi, hạn chế tiếng ồn và rung.
- Đảm bảo diện tích cây xanh theo đúng quy hoạch đã được phê duyệt.
- Tuyên truyền nếp sống văn hóa tại Khu tái định cư.

2.4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

2.4.1. Chương trình quản lý

Các giai đoạn của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
1	2	3	4	5
Xây dựng	Hoạt động thi công, xây dựng	- Bụi, Ôn - Nước thải thi công - Chất thải nguy hại (giẻ lau dính dầu, dầu thải,...): - Sự cố kỹ thuật, tai nạn lao động	- Kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị xây dựng; Không sử dụng thiết bị xây dựng vào giờ nghỉ ngơi chung; Hạn chế tối đa hoạt động đồng thời thiết bị xây dựng. - Xây dựng bể lắng và tái sử dụng nước thải phát sinh trong quá trình xây dựng - Bố trí các thùng chứa cho từng loại chất thải nguy hại phát sinh đặt nơi quy	Trong giai đoạn xây dựng (dự kiến 24tháng)

			định. Thu gom, lưu giữ, bảo quản theo quy định và thuê đơn vị có đủ chức năng xử lý thường xuyên.	
	Sinh hoạt của cán bộ nhân viên trên công trường	- Nước thải sinh hoạt (từ toilet, nước rửa tay chân): - Rác thải sinh hoạt:	- Sử dụng nhà vệ sinh di động do nhà thầu tự thuê. - Bố trí các thùng đựng rác sinh hoạt trên công trường, có nắp đậy hợp vệ sinh và thuê đơn vị có chức năng xử lý hàng ngày.	
Vận hành	Sinh hoạt của dân cư tại khu TĐC	- Nước thải - Chất thải	- Vận hành hệ thống xử lý nước thải công suất 800 m³/ngày - Bố trí thùng rác	Quá trình vận hành Dự án

2.4.2. Chương trình giám sát định kỳ

a. Giai đoạn thi công xây dựng

Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật có liên quan; định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

Giám sát môi trường không khí

- Vị trí: Các khu vực dân cư trên địa bàn phường Trảng Cát, quận Hải An; phường Hải Thành, phường Anh Dũng, phường Hưng Đạo, phường Đa Phúc, quận Dương Kinh; phường Đồng Hòa, quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng; Trường trung học phổ thông Mạc Đĩnh Chi, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh; chùa Tiểu Trà, phường Hưng Đạo, quận Dương Kinh.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Thông số giám sát: Tổng bụi lơ lửng (TSP), mức âm tương đương và gia tốc rung.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về không khí; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

Giám sát chất lượng nước mặt

- Vị trí giám sát: Tại hạ lưu sông Lạch Tray cách vị trí thi công cầu Hải Thành khoảng 50 m.
- Thông số giám sát: TSS, dầu mỡ.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

Giám sát khác

- Thực hiện giám sát quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, đồ thải, đảm bảo vệ sinh môi trường trong quá trình vận chuyển đồ thải.
- Thực hiện giám sát khả năng thoát tiêu thoát nước, nguy cơ hư hỏng, tắc nghẽn hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn, bảo đảm không gây ngập úng.
- Thực hiện giám sát sạt lở hai bên bờ sông tại vị trí thi công cầu thuộc phạm vi Dự án.

b. Giai đoạn vận hành dự án

Giám sát nước thải sau xử lý

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải công suất 800 m³/ngày tại khu tái định cư quận Dương Kinh.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Thông số giám sát: pH, BOD₅ (20°C), tổng chất rắn hòa tan, sunfua (tính theo H₂S), nitrat (NO₃⁻) (tính theo N), amoni (tính theo N), dầu mỡ động, thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, phosphat (PO₄³⁻) (tính theo P), tổng Coliforms.
- Quy chuẩn so sánh: Cột B, QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B, K = 1.

Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan; định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

Giám sát khác

- Thực hiện giám sát khả năng thoát tiêu thoát nước, nguy cơ hư hỏng, tắc nghẽn hệ thống thu gom nước thải và nước mưa, bảo đảm không gây ngập úng.
- Thực hiện giám sát quá trình vận hành công trình xử lý nước thải, công tác phòng cháy chữa cháy, an toàn điện và các quy định khác liên quan theo quy định của pháp luật hiện hành.

2.4.3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố

**Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất:*

Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; đền bù đất và hoa màu theo đơn giá vào thời điểm kiểm đếm chi tiết; đảm bảo đủ và kịp thời ngân sách cho công tác giải phóng mặt bằng; thực hiện các biện pháp hỗ trợ ổn định sản xuất và hỗ trợ đào tạo nghề đề xuất trong phương án hỗ trợ.

2.5. Các nội dung khác

Không có.

3. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường như sau:

- Tuân thủ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa, Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa; xây dựng phương án sử dụng tầng đất mặt của đất được chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa nước trong quá trình chuyển mục đích sử dụng đất, bảo đảm phù hợp với các nội dung, yêu cầu bảo vệ môi trường được nêu tại Quyết định này và tổ chức thực hiện theo quy định tại Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác.

- Chỉ được phép triển khai xây dựng Dự án sau khi được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận việc chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Xây dựng phương án cảnh giới và điều tiết lưu thông trước khi triển khai thi công; lắp đặt hệ thống biển báo, mốc giới các địa bàn thi công khu vực Dự án và phối hợp với chính quyền địa phương thông báo cho nhân dân trong khu vực Dự án về thời gian và địa bàn thi công, xây dựng; có các biện pháp tạm thời để bảo đảm an toàn giao thông và đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân trong thời gian thi công; bố trí lực lượng, phương tiện tham gia công tác cảnh giới và điều tiết lưu thông theo quy định để quản lý, theo dõi các báo hiệu công trường và khu vực thi công, kịp thời xử lý các vấn đề liên quan tới báo hiệu đang quản lý và bảo đảm an toàn giao thông trong thời gian thi công.

- Thực hiện chuyển giao chất thải xây dựng phát sinh trong quá trình thi công xây dựng Dự án theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; phục hồi cảnh quan môi trường khu vực tạm chiếm dụng trong quá trình thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án; áp dụng các biện pháp kỹ thuật và quản lý phù hợp đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường.

- Chủ động phối hợp với cơ quan chức năng, cộng đồng dân cư để phòng ngừa, giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về bảo vệ nguồn nước, khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; đảm bảo an toàn giao thông và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án để ngăn ngừa, giảm thiểu rủi ro đến môi trường.

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong quá trình thực hiện Dự án để đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

- Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an ninh trật tự đối với đội ngũ công nhân viên tham gia thi công xây dựng Dự án.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình hoạt động nếu phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường./.

CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu (nếu có))



TỔNG GIÁM ĐỐC
Đào Sỹ Ngọc

Ghi chú: Báo cáo ĐTM được niêm yết tại UBND phường từ ngày.....tháng.....năm 2025.